

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-04-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa chị
X và anh Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Cao Tản

Bà Vũ Thị Duyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị X, sinh năm 1987; Số căn cước công dân 036187003670, cấp ngày 08/5/2021; Địa chỉ: Thôn Tây Thượng T, xã N, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1990; Số căn cước công dân 036090018515; Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của anh Dương Văn Q: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955; Số căn cước công dân 022155000843, cấp ngày 10/05/2021. Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn Q đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06-03-2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định, (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình), trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường đến cuối năm 2022

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh Q bị hạn chế nhận thức, không quan tâm đến vợ con nên hay xảy ra tranh cãi, va chạm. Từ cuối năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Hương N, sinh ngày 24-6-2015 và Dương Hoàng A, sinh ngày 14-01-2018, hiện nay hai con chung đang ở cùng chị X. Khi ly hôn chị X đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị X đang làm việc tại công ty G thu nhập khoảng 8.500.000đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Bùi Thị X xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Dương Văn Q nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 204/2025/TB-TLVA ngày 08 tháng 12 năm 2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Q. Anh Q đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã biết việc chị X có đơn khởi kiện xin ly hôn nộp tại Tòa án.

Người đại diện theo pháp luật của anh Dương Văn Q là bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ anh Dương Văn Q) trình bày: Bà ở cùng nhà và nơi cư trú với anh Q tại xóm T Trên, xã N, tỉnh Ninh Bình. Anh Q từ khi sinh ra sức khỏe thì bình thường nhưng bị hạn chế về nhận thức và hành vi nên nghỉ học từ năm 10 tuổi. Từ trước tới nay gia đình không đưa đi khám bệnh, không uống thuốc hay điều trị ở đâu. Anh Q vẫn đi làm việc tự do tại địa phương, sáng đi tối về. Chị Bùi Thị X và anh Dương Văn Q có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06-03-2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định, (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống chị X và anh Q không hòa thuận, tính tình không hợp. Nay chị X làm đơn xin ly hôn anh Q nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 9, anh Q có quan điểm cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ lâu. Anh Q bị hạn chế nhận thức nên bà nhất trí đại diện cho anh Q trong quá trình giải quyết vụ án và từ chối làm thủ tục giám định tâm thần cho anh Q. Anh Q cũng nhất trí là không đi giám định. Chị X và anh Q có hai con chung là Dương Hương N, sinh ngày 24-6-2015 và Dương Hoàng A, sinh ngày 14-01-2018, hiện nay hai con chung đang ở cùng chị X.

Bà S đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu mà Tòa án gửi và bà đã giao tận tay cho anh Q. Anh Q đã biết việc chị X có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q và chị X đề nghị được nuôi hai con chung anh Q cũng nhất trí. Vì anh Q không có điều kiện nuôi hai con và bà không có khả năng chăm sóc các cháu mặc dù rất thương các cháu. Bà đề nghị Tòa án giải quyết nguyện vọng của chị X theo quy định pháp luật. Chị X và anh Q không có tài

sản chung, không có nợ nần ai và không cho ai vay nợ. Do công việc bận bà S đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Qua xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ tại nơi cư trú của chị X và anh Q: Đại diện Ủy ban nhân dân (UBND) xã N cho biết: Chị Bùi Thị X, sinh năm 1987 và anh Dương Văn Q, sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06-03-2014 tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định, (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Chị X và anh Q có 02 con chung là cháu Dương Hương N, sinh ngày 24-6-2015 và Dương Hoàng A, sinh ngày 14-01-2018 có đăng ký khai sinh tại UBND xã B. Nay chị X làm đơn xin ly hôn với anh Q với nguyên nhân mâu thuẫn như nào địa phương không nắm được. Do các đương sự nộp đơn trực tiếp đến Tòa án mà không thông qua hòa giải cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Q hiện đang làm việc tại địa phương, từ bé anh Q bị hạn chế về nhận thức nhưng địa phương không có hồ sơ theo dõi về tình hình sức khỏe và nhận thức của anh Q.

Vì lý do công việc bận nên chị X có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Dương Văn Q.

Về con chung: Giao hai con chung Dương Hương N, sinh ngày 24-6-2015 và Dương Hoàng A, sinh ngày 14-01-2018 cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Bùi Thị X phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị X có đơn xin giải quyết vắng mặt; anh Dương Văn Q là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và người đại diện theo pháp luật của anh Q xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị X, anh Q và người đại diện của anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị X và anh Dương Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn vào ngày 06-03-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau bình thường đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Q không quan tâm đến vợ con nên hay xảy ra tranh cãi, va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Dương Văn Q.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh Q và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Q là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra va chạm nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ cuối năm 2022. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị X đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh Q. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tài liệu cho anh Q, anh Q đã biết việc chị X xin ly hôn. Do anh Q bị hạn chế về nhận thức nên bà Nguyễn Thị S là đại diện theo pháp luật của anh Q cũng trình bày giữa chị X và anh Q có mâu thuẫn, chị X đề nghị ly hôn anh Q cũng đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ lâu. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị X đối với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị X xác nhận vợ chồng có hai con chung là Dương Hương N, sinh ngày 24-6-2015 và Dương Hoàng A, sinh ngày 14-01-2018, hiện nay hai con chung đang ở cùng chị X. Nay ly hôn chị X đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, nguyện vọng của con và nguyện vọng của chị X thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân hai con chung sống cùng chị X, anh Q không quan tâm chăm sóc con và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị X. **Quá trình giải quyết vụ án, anh Q và người đại diện của anh Q đã biết được yêu cầu của chị X đề nghị nhận nuôi hai con chung, anh Q cũng nhất trí.** Hiện chị X đang làm việc tại công ty G thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Cháu Dương Hương N và Dương Hoàng A đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi con chung của chị X, giao cháu Dương Hương N và cháu Dương Hoàng A cho chị X tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X (do chị X không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị X và đại diện của anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị X phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Dương Văn Q

2. Về con chung: Giao hai con chung Dương Hương N, sinh ngày 24-6-2015 và Dương Hoàng A, sinh ngày 14-01-2018 cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị X.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị X phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số **0003447 ngày 08-12-2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Ninh Bình**. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 9 + tỉnh;
- THADS khu vực;
- UBND xã Nam Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHẬN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Cao Tản Vũ Thị D